

Số: 251/QĐ-ĐHCNTT&TT

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ và các học phần cốt lõi đối với sinh viên tốt nghiệp hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐT ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 3984/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc giao nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng, thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 2078/ĐHTN-ĐT ngày 22/12/2014 của Đại học Thái Nguyên về việc Quy định chuẩn năng lực và chứng chỉ ngoại ngữ đối với sinh viên tốt nghiệp của Đại học Thái Nguyên;



Căn cứ Công văn số 1256/QĐ-ĐHTN ngày 28/6/2017 của Đại học Thái Nguyên về việc điều chỉnh chuẩn năng lực ngoại ngữ cho sinh viên tốt nghiệp đại học không chuyên ngữ hệ chính quy của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số 2098/ĐHTN-ĐT ngày 03/11/2020 của Đại học Thái Nguyên về việc chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1262/QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo; Ma trận liên quan của chuẩn đầu ra với các học phần của chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 580/QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông báo số 415/TB-ĐHCNTT&TT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông về việc kết luận tại cuộc họp trao đổi, thảo luận về học phần cốt lõi và công tác tổ chức đào tạo hệ đại học khóa 20;


Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ và các học phần cốt lõi đối với sinh viên tốt nghiệp hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 225/QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 31/3/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy định chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên tốt nghiệp hệ đại học chính quy.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và toàn thể sinh viên hệ đại học chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đỗ Đình Cường

C
H
I
G
I
E
N
T
H

QUY ĐỊNH

Chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ và các học phần cốt lõi đối với sinh viên tốt nghiệp hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông

(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 13 tháng 4 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ và các học phần cốt lõi đối với sinh viên tốt nghiệp hệ đại học chính quy của Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

2. Đối tượng áp dụng

a) Văn bản này áp dụng đối với sinh viên hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông. Riêng chuẩn đầu ra của các học phần cốt lõi áp dụng từ khóa tuyển sinh tháng 9 năm 2021.

b) Văn bản này không áp dụng:

- Chuẩn đầu ra tin học: Đối với sinh viên các ngành thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin gồm các ngành: Công nghệ thông tin, Kỹ thuật phần mềm, An toàn thông tin, Hệ thống thông tin, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Khoa học máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính.

- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ: Đối với sinh viên là người nước ngoài, sinh viên cử tuyển thuộc diện các huyện nghèo theo quy định của Chính phủ.

- Chuẩn đầu ra các học phần cốt lõi: Đối với sinh viên thuộc các loại hình đào tạo liên thông, văn bằng 2, vừa làm vừa học, từ xa.

Chương II

CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC, NGOẠI NGỮ VÀ CÁC HỌC PHẦN CỐT LÕI

Điều 2. Chuẩn đầu ra tin học

Sinh viên tốt nghiệp hệ đại học chính quy được quy định tại Khoản 2, Điều 1 phải có một trong các chứng chỉ sau đây: IC3, MOS, ICDL, chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông).

Điều 3. Chuẩn đầu ra của các học phần cốt lõi

1. Sinh viên tốt nghiệp hệ đại học chính quy được quy định tại Khoản 2, Điều 1 phải đạt chuẩn đầu ra của tất cả các học phần cốt lõi theo chương trình đào tạo.
2. Điểm đạt chuẩn đầu ra của các học phần cốt lõi từ 5,5 điểm (điểm C) trở.

Điều 4. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

1. Đối với sinh viên hệ đại học chính quy thuộc chương trình đào tạo chuẩn được cấp bằng tốt nghiệp khi đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

2. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao, liên kết quốc tế và giảng dạy bằng tiếng nước ngoài, được quy định theo chương trình đào tạo.

3. Nhà trường sử dụng các chứng chỉ quốc tế trên cơ sở tham chiếu với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT trong việc tổ chức giảng dạy, đánh giá và công nhận chuẩn đầu ra ngoại ngữ của sinh viên.

Điều 5. Bảng quy đổi các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được áp dụng trong nhà trường

1. Tiếng Anh

a) Các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ

- Chứng chỉ IELTS do Hội đồng Anh (British Council), Tổ chức giáo dục quốc tế IDP Education và Tổ chức khảo thí và đánh giá về ngôn ngữ của Đại học Cambridge cấp, tổ chức thi tại Hội đồng Anh và IDP hoặc đơn vị ủy quyền.

- Chứng chỉ TOEIC do viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ ETS cấp, tổ chức thi tại IIG Việt Nam (yêu cầu đủ 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết).

- Chứng chỉ TOEFL IBT do Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ ETS cấp, tổ chức thi tại IIG Việt Nam.

- Chứng chỉ Cambridge do Tổ chức Cambridge ESOL cấp.

b) Bảng quy đổi một số chứng chỉ tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu - CEFR cụ thể như sau:

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS (British Council/ IDP Education cấp)	TOEIC		TOEFL IBT	Cambridge English (Cambridge Assessment cấp)	Cambridge Tests
Cao cấp	Bậc 6	C2	8.5 - 9.0	910+	190+(S) 190+(W)	102+	200 - 230 (CPE)	45-59 CPE 80-100 CAE
	Bậc 5	C1	7.0 - 8.0	850	170+(S) 165+(W)	80 - 101	180 - 199 (CAE)	60-79 CAE 80-100 FCE
Trung cấp	Bậc 4	B2	5.5 - 6.5	600	140+(S) 130+(W)	61 - 79	160 - 179 (FCE)	60-79 FCE 80-100 PET
	Bậc 3	B1	4.0 - 5.0	450	105+(S) 90+(W)	45 - 60	140 - 159 (PET)	45 - 59 FCE 65-79 PET 90-100 KET
Sơ cấp	Bậc 2	A2	3.0 - 3.5	400	70+(S) 60+(W)	40	120 - 139 (KET)	45-64 PET 70-89 KET
	Bậc 1	A1	1.0 - 2.5	255	50+(S) 30+(W)	19	100 - 119	45- 69 KET
Pass		Pass	Top score 9	Top score 990 (R+L), 200 (S), 200 (W)		Top score 120	Pass	Pass

2. Tiếng Trung

a) Chỉ áp dụng cho các sinh viên có tham gia các chương trình đào tạo liên kết doanh nghiệp hoặc các hoạt động đào tạo của trường có sử dụng Tiếng Trung.

b) Nhà trường chấp nhận quy đổi đối với chứng chỉ

- HSK do Văn phòng Hán Ban/Tổng Bộ Học viện Khổng Tử cấp.

- Chứng chỉ TOCFL do Bộ Giáo dục Đài Loan cấp.

c) Bảng quy đổi một số chứng chỉ tiếng Trung theo khung tham chiếu Châu Âu - CEFR cụ thể như sau:

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	Tiêu chuẩn năng lực tiếng Trung quốc tế	Chứng chỉ HSK		Chứng chỉ TOCFL	
				Cấp độ	Lượng từ vựng	Cấp độ	Lượng từ vựng
Cao cấp	Bậc 6	C2	Cấp 6	HSK 6	Hơn 5000	TOCFL 6	Hơn 8000
	Bậc 5	C1	Cấp 5	HSK 5	2500	TOCFL 5	8000
Trung cấp	Bậc 4	B2	Cấp 4	HSK 4	1200	TOCFL 4	5000
	Bậc 3	B1	Cấp 3	HSK 3	600	TOCFL 3	2500
Sơ cấp	Bậc 2	A2	Cấp 2	HSK 2	300	TOCFL 2	1000
	Bậc 1	A1	Cấp 1	HSK 1	150	TOCFL 1	500

3. Các ngoại ngữ khác

a) Sinh viên có chứng chỉ một trong các ngoại ngữ Hàn, Nhật, Nga, Pháp sẽ được nhà trường công nhận đạt trình độ ngoại ngữ đầu ra.

b) Các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ sau sẽ được nhà trường chấp nhận quy đổi

- Chứng chỉ TOPIK do Viện Giáo dục và Công nghệ Hàn Quốc cấp.

- Chứng chỉ năng lực tiếng Nhật JLPT do Ủy ban quản lý Japanese-Nattest cấp chứng chỉ (yêu cầu đủ 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết); Chứng chỉ NAT-TEST do Ủy ban quản lý Japanese-Nattest cấp.

- Chứng chỉ TORFL (viết tắt theo tiếng Nga là TRKI) do Viện tiếng Nga quốc gia mang tên A.X. Puskin cấp hoặc cấp bởi các trung tâm khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo Liên bang Nga công nhận.

- Chứng chỉ DELF/DALF, TCF (yêu cầu đủ 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết) do Bộ Giáo dục và Đào tạo Pháp cấp.

c) Bảng quy đổi theo khung tham chiếu Châu Âu - CEFR cụ thể như sau:

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	Tiếng Hàn	Tiếng Nhật		Tiếng Nga	Tiếng Pháp	
				Chứng chỉ JLPT	Chứng chỉ NAT-TEST		Chứng chỉ DELF/DALF	Chứng chỉ TCF
Cao cấp	Bậc 6	C2	TOPIK II-TOPIK 6	JLPT N1	1Q	TRKI-4	DALF C2	600-699
	Bậc 5	C1	TOPIK II-TOPIK 5	JLPT N2	2Q	TRKI-3	DALF C1	500-599
Trung cấp	Bậc 4	B2	TOPIK II-TOPIK 4	JLPT N3	3Q	TRKI-2	DELF B2	400-499

	Bậc 3	B1	TOPIK II- TOPIK 3	JLPT N4	4Q	TRKI-1	DELFB1	300-399
Sơ cấp	Bậc 2	A2	TOPIK I- TOPIK 2	JLPT N5	5Q	TBU	DELFA2	200-299
	Bậc 1	A1	TOPIK I- TOPIK 1			TEU	DELFA1	100-199

Điều 6. Quy định về mức đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ

1. Đối với sinh viên từ khóa 11 đến khoá 19, sinh viên chính quy thuộc loại hình đào tạo liên thông, văn bằng 2, được công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ nếu đạt trong kỳ thi chuẩn đầu ra nội bộ do Nhà trường tổ chức. Thời gian có hiệu lực của kết quả thi là 03 năm tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận kết quả thi.

2. Đối với sinh viên ĐHCQ thuộc chương trình đào tạo chuẩn tuyển sinh từ tháng 9 năm 2021 (Khóa 20), được công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ nếu điểm tất cả các học phần tiếng Anh hoặc tiếng Nhật (đối với sinh viên đăng ký học tiếng Nhật) đạt từ 5,5 điểm (điểm C) trở lên.

3. Đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao, liên kết quốc tế và giảng dạy bằng tiếng nước ngoài, thực hiện theo đề án đã được Nhà trường phê duyệt.

Điều 7. Miễn chuẩn đầu ra ngoại ngữ và các học phần tiếng Anh

1. Miễn chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông cụ thể như sau: Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên một trong các ngoại ngữ Anh, Trung, Hàn, Nhật, Nga, Pháp.

2. Miễn và chuyển đổi điểm các học phần tiếng Anh đối với sinh viên hệ đại học chính quy của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông từ năm học 2021 - 2022 (áp dụng từ khóa 20) có chứng chỉ IELTS, TOEIC (04 kỹ năng), TOEFL IBT, Cambridge English (Cambridge Assessment cấp) cụ thể như sau:

a) Đạt trình độ tương đương bậc 3/6: Được công nhận đạt điểm A (10 điểm) cho các học phần Anh văn 1, Anh văn 2.

b) Đạt trình độ tương đương bậc 4/6: Được công nhận đạt điểm A (10 điểm) cho tất cả 4 học phần Anh văn 1, Anh văn 2, Anh văn 3, Anh văn 4.

c) Thời điểm sinh viên nộp chứng chỉ cùng thời điểm nộp hồ sơ nhập học (chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày nộp phải còn hiệu lực (2 năm)).

d) Thủ tục nộp hồ sơ xét miễn, chuyển đổi điểm các học phần tiếng Anh: Bản công chứng có dịch thuật chứng chỉ quốc tế.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Trưởng các đơn vị liên quan thực hiện và chịu trách nhiệm phổ biến nội dung Quy định này đến từng cán bộ, giảng viên và sinh viên thuộc đơn vị mình quản lý.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 225/QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 31/3/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy định chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên tốt nghiệp hệ đại học chính quy.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề chưa phù hợp, các đơn vị và cá nhân kịp thời báo cáo Ban Giám hiệu (*thông qua Phòng Đào tạo*) để xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung phù hợp với quy định của Nhà trường và Đại học Thái Nguyên./.